

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Techcom

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2018



Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Techcom

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 10
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	11
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	12 - 13
Báo cáo thu nhập giữa niên độ	14
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	15 - 16
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ	17
Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ	18 - 19
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	20 - 21
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	22 - 48

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Techcom

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Techcom (“Quỹ”) được thành lập ngày 8 tháng 9 năm 2015 dưới hình thức quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quy chế thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 18/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp ngày 8 tháng 9 năm 2015. Theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng là 60.670.000.000 VND, tương đương với 6.067.000,00 chứng chỉ quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 203.492.435.100 VND, tương đương với 20.349.243,51 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập trên cơ sở đánh giá, lựa chọn các tài sản có chất lượng tốt, phân bổ danh mục hợp lý và tối thiểu hóa các rủi ro cho Nhà Đầu tư.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ được quản lý bởi Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn (TNHH) Quản lý Quỹ Kỹ Thương (sau đây được gọi tắt là “Công ty Quản lý Quỹ”). Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 40/UBCK-GP ngày 21 tháng 10 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và theo các giấy phép điều chỉnh.

Công ty Quản lý Quỹ được sở hữu 100% bởi Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (“Ngân hàng mẹ”), một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty Quản lý Quỹ là quản lý danh mục đầu tư và cung cấp các dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán theo các quy định của Pháp luật. Công ty có Trụ sở chính tại tầng 10, Tòa nhà Techcombank, số 191, Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo Pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này là Ông Hồ Hùng Anh – chức danh Chủ tịch Hội đồng Thành viên.

Ông Đặng Lưu Dũng – chức danh Giám đốc được Ông Hồ Hùng Anh ủy quyền ký báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán bán niên kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 theo Giấy ủy quyền số 01E/2015/UQ-CT ngày 1 năm 1 năm 2015.

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành viên Standard Chartered (Việt Nam).

Chức năng của Ngân hàng Giám sát bao gồm lưu trữ hồ sơ, hoạt động lưu ký chứng khoán, thanh toán và đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Ngân hàng Giám sát được chỉ định bởi Đại hội Nhà Đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

T.T.N. 14/06/2018

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Techcom

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Xuân Minh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2015
Ông Đặng Thế Đức	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Vĩnh Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2015

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.

1
C
S
M
A

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Techcom

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Techcom ("Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán của Quỹ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, tình hình đầu tư giữa niên độ, kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quỹ trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

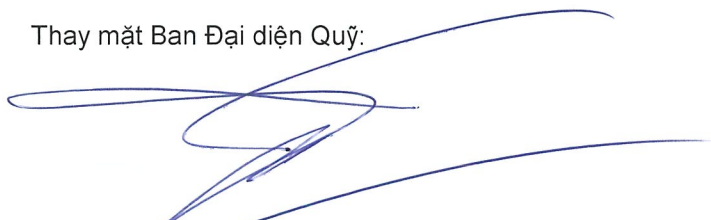
Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được thiết lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết với Ban Đại diện Quỹ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Theo ý kiến của Ban Đại diện Quỹ, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ và tình hình đầu tư giữa niên độ của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ:



Ông Nguyễn Xuân Minh
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2018

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Techcom

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1.1 Mục tiêu

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập trên cơ sở đánh giá, lựa chọn các tài sản có chất lượng tốt, phân bổ danh mục hợp lý và tối thiểu hóa các rủi ro cho Nhà Đầu tư.

1.2 Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Quỹ đã được soát xét, tính đến kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị CCQ của Quỹ là 10,60% so với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2017.

1.3 Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Chiến lược đầu tư của Quỹ được xây dựng linh hoạt theo từng thời kỳ nhằm đạt được mục tiêu đầu tư dựa trên các phân tích, đánh giá về kinh tế vĩ mô, chu kỳ kinh tế và yếu tố thị trường. Tuy nhiên, chiến lược đầu tư của Quỹ không nằm ngoài chiến lược đầu tư tăng trưởng và chiến lược đầu tư giá trị hay sự kết hợp của cả hai chiến lược này.

Theo đó, chiến lược đầu tư của Quỹ bao gồm nhưng không hạn chế đầu tư vào:

- ▶ Nhóm chứng khoán của nhóm công ty đầu ngành hoặc có tiềm năng trở thành các công ty đầu ngành, bao gồm cả cổ phiếu có vốn hóa lớn và trái phiếu được phát hành bởi các công ty có xếp hạng tín dụng cao hoặc được ngân hàng uy tín bảo lãnh;
- ▶ Nhóm chứng khoán có tiềm năng tăng trưởng tốt trong dài hạn và/hoặc doanh nghiệp có tính cạnh tranh cao;
- ▶ Nhóm chứng khoán có mức định giá hấp dẫn;
- ▶ Nhóm chứng khoán có lợi tức cao, ổn định.

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà Đầu tư.

1.4 Phân loại Quỹ: Quỹ mở

1.5 Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Techcom được thành lập ngày 8 tháng 9 năm 2015 dưới hình thức quỹ mở.

1.6 Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 203.492.435.100 VND, tương đương với 20.349.243,51 chứng chỉ quỹ.

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Techcom

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

1.7 Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Việc phân phối lợi nhuận hàng năm dựa trên đề xuất của Ban Đại diện Quỹ và được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua hoặc do Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với quy định tại Điều lệ Quỹ theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ trên cơ sở báo cáo tài chính giữa niên độ đã được kiểm toán của Quỹ xác nhận khả năng có thể phân phối lợi nhuận. Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí nếu Pháp luật có yêu cầu trước khi phân phối lợi nhuận cho Nhà Đầu tư. Lợi nhuận của Quỹ sẽ không được phép phân phối nếu sau khi phân phối:

- ▶ Quỹ không đủ khả năng tài chính để hoàn thành các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ tài sản, các khoản nợ đến hạn theo quy định của Pháp Luật; hoặc
- ▶ NAV của Quỹ dưới mức tối thiểu theo quy định của Pháp Luật.

Nguồn để phân phối cổ tức Quỹ phải thỏa mãn ba điều kiện sau :

- ▶ Lợi nhuận lũy kế cho đến cuối giai đoạn tài chính mà Công ty Quản lý Quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận phải dương sau khi trừ đi các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động theo quy định.
- ▶ Nguồn chia là từ lợi nhuận đã thực hiện của Quỹ trong quá trình hoạt động.
- ▶ Sau khi trừ số lợi nhuận dự kiến sẽ phân phối cho Nhà Đầu tư, số lợi nhuận lũy kế còn lại cho đến cuối giai đoạn tài chính mà Công ty Quản lý Quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận vẫn phải lớn hơn hoặc bằng không (không được âm).

Lịch trình, kế hoạch phân chia lợi nhuận đã được thông qua sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ. Mỗi Nhà Đầu tư có thể quyết định nhận lợi nhuận mà Quỹ phân phối dưới dạng tiền hoặc tái đầu tư vào Quỹ với điều kiện, họ phải nêu rõ lựa chọn của mình tại đơn đăng ký mở tài khoản giao dịch Đơn vị quỹ. Nếu không có sự lựa chọn, lựa chọn tái đầu tư vào Quỹ được tự động áp dụng.

Công ty Quản lý Quỹ sẽ gửi cho Nhà Đầu tư báo cáo tổng kết việc phân phối lợi nhuận của Quỹ trong đó có các nội dung về phương pháp phân chia lợi nhuận, tổng lợi nhuận trong giai đoạn và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận, giá trị phân phối bằng tiền và bằng đơn vị quỹ, NAV trên đơn vị quỹ trước và sau khi phân phối lợi nhuận và các ảnh hưởng tác động đến NAV của Quỹ.

1.8 Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ quỹ

Trong kỳ Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Techcom

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

2. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

2.1 Cơ cấu tài sản Quỹ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 %	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 %
Danh mục chứng khoán	79,15%	77,54%
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	19,57%	22,22%
Tài sản khác	1,28%	0,24%
	100%	100%

2.2 Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	276.223.698.454	34.879.287.502
Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	20.349.243,51	2.842.027,76
Giá trị tài sản ròng của 1 đơn vị chứng chỉ quỹ (CCQ) (VND)	13.574,15	12.272,67
Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ (VND)	17.144,64	12.272,67
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ (VND)	13.552,77	10.909,43
Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng
Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng
Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng
Tổng tăng trưởng (%) / 1 đơn vị CCQ	-12,03%	13,52%
- Tăng trưởng vốn (%) / 1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	Không áp dụng	Không áp dụng
- Tăng trưởng vốn (%) / 1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	-13,65%	10,82%
Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	Chưa phân phối	Chưa phân phối
Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	Chưa phân phối	Chưa phân phối
Ngày chốt quyền	Chưa phân phối	Chưa phân phối
Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ (%)	2,36%	4,08%
Tốc độ vòng quay danh mục (lần)	497,42%	251,92%

2.3 Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm
1 năm đến thời điểm báo cáo	10,60%	10,60%
2 năm đến thời điểm báo cáo	25,55%	50,55%
Từ khi thành lập	35,74%	70,97%
Tăng trưởng số tham chiếu	Không áp dụng	Không áp dụng

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Techcom

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

2. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

2.4 Tăng trưởng hàng năm

Thời kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ/năm	10,60%	13,52%

3. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

Kinh tế vĩ mô 6 tháng đầu năm 2018

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) Quý II/2018 tăng trưởng đạt mức 6,8% và tính trong 6 tháng đầu năm, GDP tăng 7,1% so với cùng kỳ năm trước. Đây là mức tăng cao nhất kể từ năm 2011 trở lại đây. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,9%, đóng góp 0,5%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,1%, đóng góp 3,1%; khu vực dịch vụ tăng 6,9%, đóng góp 3,2%.

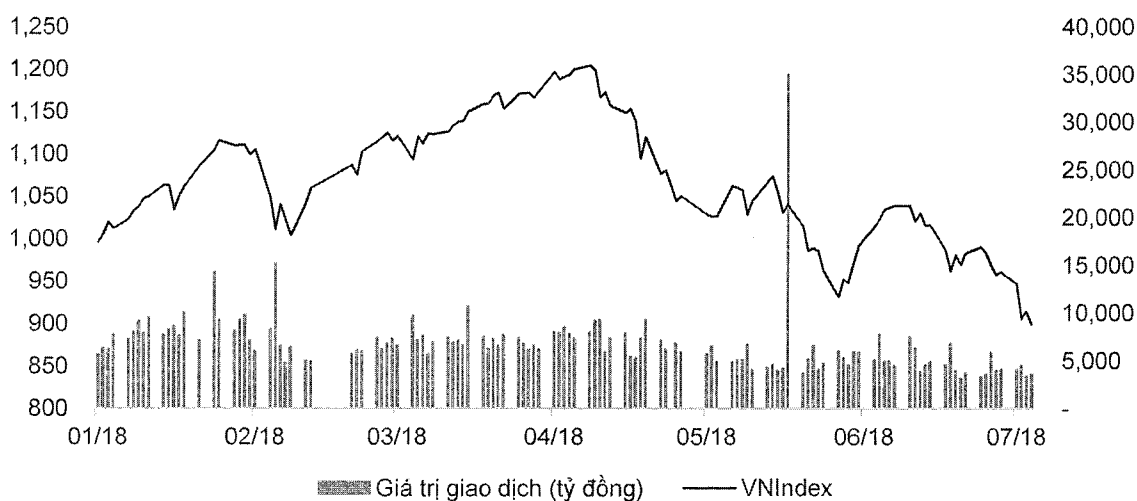
Cán cân thương mại 6 tháng đầu năm xuất siêu khoảng 2,7 tỷ USD, kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu tương ứng đạt 113,9 và 111,2 tỷ USD. Khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 12,9 tỷ USD và khu vực kinh tế nước ngoài (bao gồm cả dầu thô) xuất siêu 15,7 tỷ USD.

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký mới trong 6 tháng đầu năm đạt 16,2 tỷ USD, giảm nhẹ 4,4% so với cùng kỳ 2017, tuy nhiên vốn thực hiện tăng 8,4%, đạt 8,4 tỷ USD. Bên cạnh đó, tổng giá trị vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần là 4,1 tỷ USD, tăng 82,4% so với cùng kỳ năm ngoái.

CPI bình quân nửa đầu năm 2018 tăng 3,3% so với bình quân cùng kỳ năm 2017. CPI tháng 6/2018 tăng 2,2% so với tháng 12/2017 và tăng 4,7% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc điều chỉnh giá dịch vụ y tế, thực hiện lộ trình tăng học phí và giá xăng dầu tăng mạnh do ảnh hưởng bởi diễn biến giá nhiên liệu trên thị trường thế giới.

Tính đến cuối tháng 6/2018, tổng phương tiện thanh toán tăng 8,0% so với cuối năm 2017 (cùng kỳ năm trước tăng 5,7%); huy động vốn của các ngân hàng thương mại tăng 7,8% (cùng kỳ năm trước tăng 5,9%); tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 6,4% (cùng kỳ năm trước tăng 7,6%). Mặt bằng lãi suất huy động nhìn chung được giữ ở mức ổn định. (Nguồn: GSO).

Thị trường chứng khoán 6 tháng đầu năm 2018



Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Techcom

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

3. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỶ (tiếp theo)

Kinh tế vĩ mô 6 tháng đầu năm 2018 (tiếp theo)

Trong Quý II/2018, thị trường chứng khoán điều chỉnh khá mạnh sau cả năm 2017 và quý 1/2018 tăng trưởng ấn tượng. Đến cuối 6/2018, VNIndex ở mức 961 điểm, tương đương mức giảm hơn 20% từ đỉnh 1.204 điểm đạt được tại đầu tháng 4/2018. Tính từ đầu năm 2018, VNIndex giảm 2,4%.

Quy mô vốn hóa toàn thị trường đạt 170 tỷ USD, tăng khoảng 10% so với cuối năm 2017, trong đó HOSE chiếm 75%. Mức tăng này đến từ việc cổ phiếu của các doanh nghiệp lớn mới niêm yết, như VHM, TCB với giá trị vốn hóa hàng nghìn tỷ đồng.

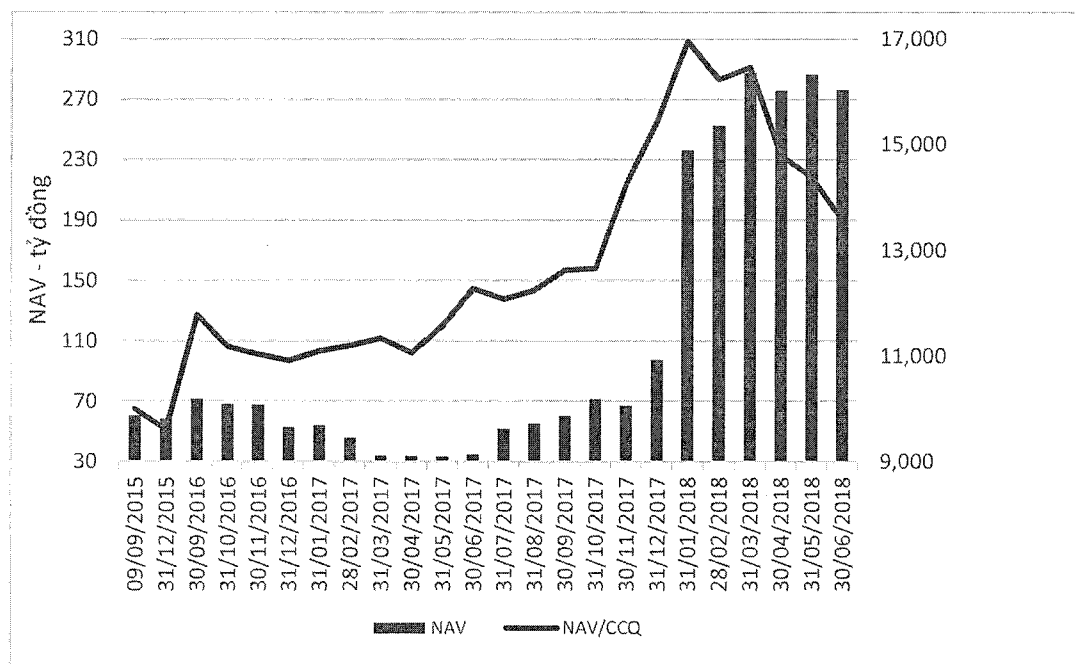
Hàng tiêu dùng, tài chính là 2 ngành có diễn biến tích cực nhất trong nửa đầu năm 2018, lần lượt đạt 3,5% và 3%. Các ngành giảm mạnh nhất là công nghiệp (-10%) và bất động sản (-11%).

4. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

4.1 Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	-313,65%	559,38%
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	60,19%	58,95%
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	10,60%	35,74%
Tăng trưởng hàng năm (%) / 1 đơn vị CCQ	10,60%	70,97%
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	623,45%	309,45%

Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng cho giai đoạn từ khi thành lập tới ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Quỹ:



Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Techcom

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

4. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

4.1 Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ (tiếp theo)

Thay đổi giá trị tài sản ròng

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Tỷ lệ thay đổi
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	276.223.698.454	34.879.287.502	691,94%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	13.574,15	12.272,67	10,60%

4.2 Thống kê về Nhà Đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo

Quy mô nắm giữ (đơn vị)	Số lượng Nhà Đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 5.000	349	499.304,93	2,45%
Từ 5.000 đến 10.000	89	612.067,54	3,01%
Từ 10.000 đến 50.000	265	15.117.679,47	74,29%
Trên 500.000	4	4.120.191,57	20,25%
	707	20.349.243,51	100,00 %

5. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Thị trường chứng khoán Việt Nam có thể tiếp tục điều chỉnh trong ngắn hạn nhưng vẫn được kỳ vọng tăng trưởng trong dài hạn và sẽ có sự phân hóa giữa các cổ phiếu trên thị trường do:

- ▶ Tình hình chính trị bất ổn trên thế giới, đặc biệt là cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung và việc FED tăng lãi suất khiến các nhà đầu tư trên thế giới lo ngại và rút bớt khỏi các thị trường mới nổi và cận biên như Thái Lan, Việt Nam hay Philippines.
- ▶ Bên cạnh đó, định giá trung bình của các cổ phiếu ở Việt Nam đang ở mức cao, tương đương với các thị trường tài chính mới nổi trong khu vực dẫn đến áp lực điều chỉnh giá khi có những biến động tiêu cực, đặc biệt là khi dòng tiền rút bớt ra khỏi thị trường.
- ▶ Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam vẫn tiếp tục tăng trưởng tích cực. GDP 6 tháng 2018 tăng mạnh nhất trong 7 năm trở lại đây và cam kết của Chính phủ trong việc điều hành tỷ giá, lạm phát và lãi suất sẽ hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng của nền kinh tế và thúc đẩy xu hướng tăng chung của thị trường.
- ▶ Tiến trình cổ phần hóa, niêm yết và thoái vốn của Nhà nước tại các doanh nghiệp lớn tiếp tục được đẩy mạnh triển khai. Điều này sẽ mở rộng quy mô thị trường theo hướng tăng cả về lượng và chất, từ đó thu hút dòng tiền nhà đầu tư.

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Techcom

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

6. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về Ban Đại diện Quỹ

Ông Nguyễn Xuân Minh

Chủ tịch

Ông Minh có hơn 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và quản lý quỹ. Ông là thành viên sáng lập Công ty Quản lý Quỹ Vietnam Asset Management – VAM, giữ chức vụ Giám đốc Điều hành và Chủ tịch Hội đồng Đầu tư. Ông có 10 năm kinh nghiệp tại Công ty Franklin Templeton Investments (chức vụ: Trưởng đại diện tại Việt Nam; Phó Chủ tịch cao cấp tại Singapore). Ông hiện là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương.

Ông Minh có bằng Thạc sĩ chuyên ngành Dầu khí tại Liên bang Nga và Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính ứng dụng và Đầu tư – Đại học Chứng khoán Úc. Ông Minh có Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ và Chứng chỉ CFA từ năm 2003.

Ông Đặng Thế Đức

Thành viên

Ông Đức có hơn 18 năm kinh nghiệm hành nghề luật kinh doanh tại Việt Nam, trong đó tập trung vào đầu tư trong nước, giao dịch doanh nghiệp, cổ phần tư nhân, M&A, chứng khoán, giao dịch thị trường vốn và tài trợ dự án. Ông Đức đã tư vấn cho một số quỹ đầu tư nước ngoài và địa phương lớn và nhà quản lý quỹ liên quan đến cơ cấu kinh doanh, các giao dịch M&A tại Việt Nam.

Ông Đức hiện là Giám đốc Điều hành (Managing Partner) tại Công ty Tư vấn luật Indochine Counsel; nhà phân tích thường xuyên cho các tạp chí kinh doanh hàng đầu tại Việt Nam (Kinh tế Sài Gòn, Nhịp cầu đầu tư, Đầu tư chứng khoán).

Bà Nguyễn Thị Vĩnh Hà

Thành viên

Bà Hà có 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Bà Hà gia nhập Công ty Kiểm toán Grant Thornton (Việt Nam) từ năm 1996, bà Hà đã đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng như Chủ nhiệm kiểm toán, Chủ nhiệm kiểm toán cao cấp, Giám đốc Kiểm toán và hiện là Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam).

Bà Hà tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân chuyên ngành Kế toán; Đại học Ngoại ngữ Hà Nội chuyên ngành Tiếng Anh. Bà Hà đã có chứng chỉ Kiểm toán viên, chứng chỉ Thẩm định giá của Bộ Tài chính đồng thời đạt các chứng chỉ kiểm toán và tài chính quốc tế như ACCA của Hiệp hội kế toán công chứng Anh và CFA của học viện CFA Hoa Kỳ từ năm 2012.



Ông Đặng Lưu Dũng
Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Techcom (“Quỹ”). Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018, Quỹ đã phát sinh sai lệch so với các quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan, cụ thể như sau:

Theo Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15/2016/TT-BTC (“Thông tư 15”) ngày 20/01/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC (“Thông tư 183”) và Điều 10, Điều lệ quỹ quy định: “Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của quỹ”. Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục để đáp ứng quy định pháp luật trong thời gian cho phép.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, tỷ lệ các hạng mục đầu tư lớn của Quỹ vào trái phiếu đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ do yếu tố biến động giá thị trường trong danh mục đầu tư của Quỹ, Quỹ thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp trong kỳ và thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư. Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh danh mục đầu tư đáp ứng quy định pháp luật chậm nhất vào ngày 02 tháng 10 năm 2018.

- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Trong giai đoạn ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.



Lê Sỹ Hoàng

Trưởng Phòng Nghiệp vụ Dịch vụ Chứng khoán

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT



Vũ Hương Giang

Phụ trách Bộ phận Giám sát

Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited
Head Office

P1810-1815, Keangnam Hanoi Landmark,
E6 Phạm Hưng, Me Tri Ward,
South Tu Liem District, Hanoi

Tel : (84 24) 3936 8000
Fax : (84 24) 3837 8356
Swift: SCBLVNVX

Here for good



**Building a better
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited Tel: + 84 24 3831 5100
8th Floor, CornerStone Building Fax: + 84 24 3831 5090
16 Phan Chu Trinh Street ey.com
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Số tham chiếu: 61273533/20380828/TCEF-LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Nhà Đầu tư
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Techcom

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Techcom (“Quỹ”), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2018 và được trình bày từ trang 14 đến trang 48, bao gồm báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo thu nhập giữa niên độ, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Ban Giám đốc của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

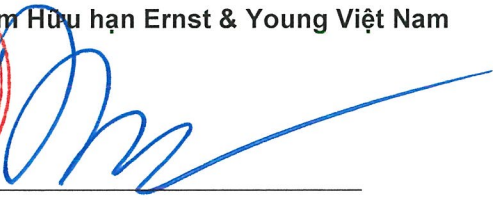
11/01/2018

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không nhận thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ và tình hình đầu tư giữa niên độ của Quý tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2400-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2018

2-
T
H
Y
NA
HÀ
NỘI
1-

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND
1	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		(42.459.451.963)	5.474.836.780
2	1.1. Cổ tức được chia		970.057.000	293.578.480
3	1.2. Tiền lãi được nhận		1.525.853.913	-
4	1.3. Lãi/(lỗ) bán các khoản đầu tư	5	(26.810.158.874)	6.298.583.114
5	1.4. Chênh lệch giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	6	(18.145.204.002)	(1.117.324.814)
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		1.692.045.221	156.573.683
11	2.1. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	7	1.692.045.221	156.573.683
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ		3.147.603.384	840.329.169
20.1	3.1. Phí dịch vụ quản lý quỹ mở	20.1	2.356.663.622	387.814.562
20.2	3.2. Phí dịch vụ dịch vụ lưu ký tài sản quỹ mở	20.2	145.718.540	102.426.117
20.3	3.3. Phí dịch vụ dịch vụ giám sát	20.2	116.014.524	132.000.000
20.4	3.4. Phí dịch vụ quản trị quỹ mở	20.2	173.338.711	118.800.000
20.5	3.5. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng		66.000.000	66.000.000
20.7	3.7. Chi phí hợp, đại hội quỹ mở		73.278.733	-
20.8	3.8. Chi phí kiểm toán		27.273.973	27.273.985
20.10	3.10. Chi phí hoạt động khác	8	189.315.281	6.014.505
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		(47.299.100.568)	4.477.933.928
24	V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC		-	-
30	VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		(47.299.100.568)	4.477.933.928
31	6.1. Lãi/(lỗ) đã thực hiện		(29.153.896.566)	5.595.258.742
32	6.2. Lãi/(lỗ) chưa thực hiện	6	(18.145.204.002)	(1.117.324.814)
40	VII. CHI PHÍ THUẾ TNDN		-	-
41	VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ		(47.299.100.568)	4.477.933.928

Người lập:



Bà Nguyễn Cẩm Linh
Chuyên viên Quản lý Quỹ

Người phê duyệt:



Bà Phan Thị Thu Hằng
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Đặng Lưu Dũng
Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND
100	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	11	58.044.633.084	27.370.245.150
111	1.1. Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ mở		58.044.633.084	27.370.245.150
120	2. Các khoản đầu tư thuần	9	234.739.739.015	95.517.875.000
121	2.1. Các khoản đầu tư		234.739.739.015	95.517.875.000
130	3. Các khoản phải thu	12	3.775.845.329	294.797.300
131	3.1. Phải thu về bán các khoản đầu tư		-	-
133	3.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		3.775.845.329	100.985.000
136	3.2.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		3.775.845.329	100.985.000
137	3.3. Phải thu khác		-	193.812.300
100	TỔNG TÀI SẢN		296.560.217.428	123.182.917.450
300	II. NỢ PHẢI TRẢ			
312	1. Phải trả về mua các khoản đầu tư	13	13.259.075.830	11.684.341.263
313	2. Phải trả cho các đại lý phân phối chứng chỉ quỹ		94.257.924	149.808.745
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		9.732.438	15.174.942
315	4. Chi phí phải trả	14	151.330.474	27.500.000
319	5. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		308.000.000	13.497.183.675
	6. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ		5.937.398.152	-
320	7. Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	15	573.592.212	102.550.000
	8. Phải trả, phải nộp khác		3.131.944	-
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		20.336.518.974	25.476.558.625
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ		276.223.698.454	97.706.358.825
411	1. Vốn góp của Nhà Đầu tư	16	203.492.435.100	63.317.285.300
412	1.1 Vốn góp phát hành		406.283.011.000	188.002.142.600
413	1.2 Vốn góp mua lại		(202.790.575.900)	(124.684.857.300)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà Đầu tư		93.347.116.140	7.705.825.743
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	17	(20.615.852.786)	26.683.247.782
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ		13.574,15	15.431,22
440	V. LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ		-	-

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

VI. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	CHỈ TIÊU	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
004	Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	20.349.243,51	6.331.728,53

Người lập:



Bà Nguyễn Cẩm Linh
 Chuyên viên Quản lý Quỹ

Người phê duyệt:



Bà Phan Thị Thu Hằng
 Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:




Ông Đặng Lưu Dũng
 Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ GIỮA NIÊN ĐỘ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

STT	NỘI DUNG	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND
I	Giá trị tài sản ròng đầu kỳ	97.706.358.825	53.039.307.361
II	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ	(47.299.100.568)	4.477.933.928
	<i>Trong đó:</i>		
II.1	Thay đổi giá trị tài sản ròng do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của quỹ mở trong kỳ	(47.299.100.568)	4.477.933.928
II.2	Thay đổi giá trị tài sản ròng do phân chia lợi nhuận/tài sản của quỹ mở cho Nhà Đầu tư trong kỳ	-	-
III	Thay đổi giá trị tài sản ròng do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	225.816.440.197	(22.637.953.787)
	<i>Trong đó:</i>		
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	349.848.055.760	3.337.097.155
III.2	Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(124.031.615.563)	(25.975.050.942)
IV	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ	276.223.698.454	34.879.287.502

Người lập:



Bà Nguyễn Cẩm Linh
Chuyên viên Quản lý Quỹ

Người phê duyệt:



Bà Phan Thị Thu Hằng
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:




Ông Đặng Lưu Dũng
Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

STT	CHỈ TIÊU	Mã cổ phiếu	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/Tổng giá trị tài sản của Quỹ
I	CỔ PHIẾU NIÊM YẾT					
1	Công ty Cổ phần Xây dựng Cotec	CTD	36.930	152.400	5.628.132.000	1,90%
2	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	DHG	133.100	102.000	13.576.200.000	4,58%
3	Công ty Cổ phần FPT	FPT	128.628	41.500	5.338.062.000	1,80%
4	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	HPG	141.288	38.400	5.425.459.200	1,83%
5	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	MBB	200.490	26.200	5.252.838.000	1,77%
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	MWG	48.100	114.000	5.483.400.000	1,85%
7	Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long	NLG	30.037	28.000	841.036.000	0,28%
8	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW	150.000	13.100	1.965.000.000	0,66%
9	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	VCB	145.760	58.000	8.454.080.000	2,85%
10	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	VNM	63.400	170.000	10.778.000.000	3,63%
11	Công ty Cổ phần Container Việt Nam	VSC	156.190	34.850	5.443.221.500	1,84%
	Tổng		1.233.923		68.185.428.700	22,99%
II	TRÁI PHIẾU					
1	Trái phiếu doanh nghiệp - ANC11601		130.000	99.909,46	12.988.229.800	4,38%
2	Trái phiếu doanh nghiệp - MSN11718		130.000	100.822,46	13.106.919.800	4,42%
3	Trái phiếu doanh nghiệp - MSN11719		130.000	100.286,05	13.037.186.500	4,40%
4	Trái phiếu doanh nghiệp NVL11715		489.000	102.007,35	49.881.594.150	16,82%
5	Trái phiếu doanh nghiệp - SDI11717		130.000	99.999,88	12.999.984.400	4,38%
6	Trái phiếu doanh nghiệp - TCE11721		514.799	100.059,76	51.510.664.388	17,37%
7	Trái phiếu doanh nghiệp - VIC11711		127.766	101.981,21	13.029.731.277	4,39%
	Tổng		1.651.565		166.554.310.315	56,16%

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

STT	CHỈ TIÊU	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/Tổng giá trị tài sản của Quỹ
III	CÁC TÀI SẢN KHÁC				
1	Phải thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận			3.775.845.329	1,28%
	Tổng			3.775.845.329	1,28%
VI	TIỀN				
1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở			58.044.633.084	19,57%
	Tổng			58.044.633.084	19,57%
VII	TỔNG GIÁ TRỊ DANH MỤC			296.560.217.428	100,00%

Người lập:



Bà Nguyễn Cẩm Linh
 Chuyên viên Quản lý Quỹ

Người phê duyệt:



Bà Phan Thị Thu Hằng
 Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Đặng Lưu Dũng
 Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		(47.299.100.568)	4.477.933.928
02	Điều chỉnh:			
	- Các khoản giảm giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư	6	18.145.204.002	1.117.324.814
04	Chi phí trích trước		33.830.474	4.732.894
05	2. Lãi/(Lỗ) từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		(29.120.066.092)	5.599.991.636
	Các thay đổi trong kỳ báo cáo của các khoản phải thu, các khoản phải trả từ hoạt động đầu tư:			
	- (Tăng)/giảm các khoản đầu tư		(157.367.068.017)	11.098.952.636
06	- Giảm phải thu bán chứng khoán đầu tư		-	2.756.134.090
07	- (Tăng)/giảm dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(3.674.860.329)	138.296.520
08	- Giảm các khoản phải thu khác		193.812.300	206.957.530
10	- Tăng/(giảm) phải trả cho người bán		1.574.734.567	(1.162.929.782)
11	- Tăng/(giảm) phải trả các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ		(55.550.821)	20.557.544
13	- Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải trả Nhà nước		(5.442.504)	2.073.379
14	- Tăng/(giảm) phải trả cho Nhà Đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		(13.189.183.675)	2.071.674.585
15	- Giảm phải trả cho Nhà Đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ		5.937.398.152	-
16	- Giảm phải trả, phải nộp khác		93.131.944	-
17	- Tăng phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở		471.042.212	52.144.460
19	Tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(195.142.052.263)	20.783.852.598
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
21	Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ mở	16	349.848.055.760	3.337.097.155
22	Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ mở	16	(124.031.615.563)	(25.975.050.942)
30	Tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		225.816.440.197	(22.637.953.787)
40	III. Tăng/(giảm) tiền thuần trong kỳ		30.674.387.934	(1.854.101.189)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		27.370.245.150	6.556.596.523
51	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ			
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		13.873.061.475	6.516.596.523
53	- Tiền gửi của Nhà Đầu tư về mua/bán chứng chỉ quỹ		13.497.183.675	40.000.000
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	11	58.044.633.084	4.702.495.334
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ			
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		51.823.285.736	2.590.820.749
58	- Tiền gửi của Nhà Đầu tư về mua/bán chứng chỉ quỹ		6.221.347.348	2.111.674.585
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ		30.674.387.934	(1.854.101.189)

Người lập:



Bà Nguyễn Cẩm Linh
Chuyên viên Quản lý Quỹ

Người phê duyệt:



Bà Phan Thị Thu Hằng
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Đặng Lưu Dũng
Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**1.1 Thông tin về Quỹ****Quỹ**

Quỹ đầu tư Cổ phiếu Techcom (“Quỹ”) được thành lập ngày 8 tháng 9 năm 2015 dưới hình thức quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quy chế thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 18/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp ngày 8 tháng 9 năm 2015, theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Techcom được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương (sau đây được gọi tắt là “Công ty Quản lý Quỹ”). Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 40/UBCK-GP ngày 21 tháng 10 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và theo các giấy phép điều chỉnh.

Công ty được sở hữu 100% bởi Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Ngân hàng mẹ), một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính trong kỳ đến thời điểm hiện tại của Công ty là quản lý danh mục đầu tư và cung cấp các dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán theo các quy định của Pháp luật. Công ty có Trụ sở chính tại tầng 10, Tòa nhà Techcombank, số 191, Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam).

Chức năng của Ngân hàng Giám sát bao gồm lưu trữ hồ sơ, hoạt động lưu ký chứng khoán, thanh toán và đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Ngân hàng Giám sát được chỉ định bởi Đại hội Nhà Đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng là 60.670.000.000 đồng Việt Nam, tương đương với 6.067.000,00 chứng chỉ quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 203.492.435.100 đồng Việt Nam, tương đương với 20.349.243,51 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập trên cơ sở đánh giá, lựa chọn các tài sản có chất lượng tốt, phân bổ danh mục hợp lý và tối thiểu hóa rủi ro cho Nhà Đầu tư.

Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

Ngày định giá

Ngày định giá là ngày xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Ngày định giá là thứ Ba hàng tuần cho kỳ định giá tuần và là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo đối với việc định giá để làm báo cáo tháng, quý, năm theo luật định.

Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá trị tài sản ròng cho mỗi đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị thị trường của các tài sản có trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ, bao gồm các khoản nợ, các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng được tính cho mỗi ngày giao dịch của Quỹ sẽ được làm tròn xuống đến hai (02) chữ số thập phân.

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Nhà Đầu tư có thể mua, bán, chuyển đổi Quỹ hoặc chuyển nhượng chứng chỉ quỹ định kỳ vào thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần ("Ngày giao dịch"). Ngày giao dịch sẽ không bao gồm các ngày nghỉ lễ, kể cả nghỉ bù theo quy định của pháp luật. Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai lần trong một tháng.

Công ty Quản lý Quỹ có thể thay đổi ngày giao dịch hay tần suất giao dịch khi thấy cần thiết, với điều kiện được Đại hội Nhà Đầu tư thông qua phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ. Việc thay đổi ngày giao dịch sẽ được thông báo trước trên website của Công ty Quản lý Quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bao gồm ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành, đồng thời phải đảm bảo:

- ▶ Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát, không được đầu tư quá bốn mươi chín (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại; ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
- ▶ Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại; ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng; Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của Tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành; Chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro;
- ▶ Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu Chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi;
- ▶ Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu Chính phủ;
- ▶ Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo Pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
- ▶ Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- ▶ Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ được phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản;
- ▶ Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- ▶ Không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
- ▶ Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

Trừ 3 trường hợp cuối kể trên, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch so với các hạn chế đầu tư và chỉ do các nguyên nhân khách quan sau:

- ▶ Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- ▶ Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;
- ▶ Thực hiện lệnh giao dịch của Nhà Đầu tư;
- ▶ Hoạt động hợp nhất, sáp nhập và thu tóm của các tổ chức phát hành các chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- ▶ Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu tháng (06), tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ; và
- ▶ Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ sẽ điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày mà sai lệch phát sinh.

Trường hợp sai lệch là do Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày phát sinh sai lệch. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có phát sinh). Nếu phát sinh lợi nhuận, thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

2. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán

Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Kỳ kế toán giữa niên độ của Quỹ bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ là đồng Việt Nam ("VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. CHUẨN MỰC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC (Thông tư số 198) ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở và Thông tư số 183/2011/TT-BTC (Thông tư số 183) ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và Thông tư số 15/2016/TT-BTC (Thông tư số 15) ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183.

Theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành, báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập giữa niên độ
2. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ
4. Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Do vậy, báo cáo thu nhập giữa niên độ, báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ, báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa, các báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, tình hình đầu tư giữa niên độ, kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quỹ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ, tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

4.3 Các khoản đầu tư

Nguyên tắc phân loại

Quỹ phân loại các chứng khoán chưa niêm yết và niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận ban đầu

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch.

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được đánh giá lại tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo Thông tư số 198.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư", phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "Dự thu trái tức, tiền lãi gửi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo nguyên tắc như sau:

- ▶ Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi được ghi nhận theo giá gốc
- ▶ Cổ phiếu niêm yết, chưa niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các cổ phiếu này; và
- ▶ Trái phiếu niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các trái phiếu này.

Giá trị hợp lý được xác định theo các nguyên tắc định giá được trình bày dưới đây.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "Phải thu trái tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Điều lệ Quỹ, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư 15/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183/2011/TT-BTC và Sổ tay Định giá được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.

Nguyên tắc định giá

Các khoản đầu tư của Quỹ được định giá theo các nguyên tắc và phương pháp quy định trong Sổ tay Định giá như sau:

- ▶ Tiền là số dư tiền tại ngày trước ngày định giá.
- ▶ Ngoại tệ là giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.
- ▶ Tiền gửi có kỳ hạn được xác định là giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
- ▶ Chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, tín phiếu Kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu được xác định bằng giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
- ▶ Trái phiếu niêm yết được ghi nhận theo giá yết cuối ngày (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế);

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau:

- ✓ Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
 - ✓ Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc
 - ✓ Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- ▶ Trái phiếu chưa niêm yết:
- Trái phiếu chưa niêm yết được xác định là giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc
- ✓ Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
 - ✓ Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc
 - ✓ Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Ghi nhận tiếp theo (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

▶ *Cổ phiếu*

- i. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội: được đánh giá theo giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch Chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, là một trong các mức giá sau:

- ✓ Giá trị sổ sách; hoặc
- ✓ Giá mua; hoặc
- ✓ Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

- ii. Cổ phiếu của công ty Đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom: được đánh giá theo giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở Giao dịch Chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, là một trong các mức giá sau:

- ✓ Giá trị sổ sách; hoặc
- ✓ Giá mua; hoặc
- ✓ Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

- iii. Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch được định giá dựa trên:

Giá trị trung bình của các giao dịch thực hiện thành công được cung cấp tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Trường hợp không có báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá, là một trong các mức sau:

- ✓ Giá trung bình từ các báo giá; hoặc
- ✓ Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá;
- ✓ Giá trị sổ sách; hoặc
- ✓ Giá mua; hoặc
- ✓ Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

- iv. Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch được xác định là một trong các giá sau:

- ✓ Giá trị sổ sách; hoặc
- ✓ Giá mua; hoặc
- ✓ Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Ghi nhận tiếp theo (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

▶ *Cổ phiếu* (tiếp theo)

v. Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể phá sản được xác định là một trong các mức giá sau:

- ✓ 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc
- ✓ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

vi. Cổ phần, phần vốn góp khác được định giá là một trong các mức giá sau:

- ✓ Giá trị sổ sách; hoặc
- ✓ Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc
- ✓ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

▶ *Chứng khoán phái sinh*

- ✓ Chứng khoán phái sinh niêm yết là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
- ✓ Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng hai (02) tuần trở lên giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

▶ *Các tài sản khác*

Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư

Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập theo quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, lãi cổ phiếu, tiền lãi gửi ngân hàng và phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

4.5 Các khoản phải trả

Phải trả hoạt động đầu tư và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

4.6 Dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Quý có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Quý có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quý về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của Nhà Đầu tư

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mỗi đơn vị quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam.

Số lượng chứng chỉ quỹ sau khi phân phối là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các Nhà Đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua chứng chỉ quỹ ở phát hành lần đầu và các lần tiếp theo. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá.

Vốn góp mua lại

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại chứng chỉ quỹ của các Nhà Đầu tư tại các kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ. Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá.

Thặng dư vốn góp của Nhà Đầu tư

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ và mệnh giá đối với các chứng chỉ quỹ được phát hành/mua lại.

Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối

Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối phản ánh lãi/(lỗ) chưa phân phối lũy kế tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện lũy kế và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện lũy kế.

Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện trong kỳ là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong kỳ là chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ phát sinh trong kỳ.

Cuối giai đoạn tài chính, Quỹ xác định lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào "Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối".

Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho Nhà Đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong kỳ cho Nhà Đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản lợi nhuận chưa phân phối vào cuối kỳ.

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho Nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà Đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của Pháp luật chứng khoán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.8 *Doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu.

Tiền lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng và trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ trên cơ sở dự trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được thiết lập.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập giữa niên độ khi nhận được thông báo giao dịch từ các Công ty Chứng khoán và Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

4.9 *Chi phí*

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

Phí dịch vụ quản lý quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ

Phí dịch vụ quản lý được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Số tiền trả hàng tháng là tổng số tiền được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Phí dịch vụ quản lý sẽ là 1,9% giá trị tài sản ròng một năm và có thể thay đổi khi được Đại hội Nhà Đầu tư phê duyệt.

Phí dịch vụ giám sát và Phí dịch vụ lưu ký

Phí dịch vụ giám sát Quỹ cho giai đoạn tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 8 tháng 5 năm 2018 sẽ là 0,05% giá trị tài sản ròng một năm và thấp nhất là 20.000.000 đồng/tháng chưa bao gồm thuế VAT. Phí dịch vụ giám sát Quỹ cho giai đoạn tài chính từ ngày 9 tháng 5 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 sẽ là 0,03% giá trị tài sản ròng một năm và thấp nhất là 11.500.000 đồng/tháng chưa bao gồm thuế VAT.

Phí dịch vụ lưu ký cho giai đoạn tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 8 tháng 5 năm 2018 sẽ là 0,03% giá trị tài sản ròng một năm và thấp nhất là 12.000.000 đồng/tháng không có thuế VAT. Phí dịch vụ lưu ký cho giai đoạn tài chính từ ngày 9 tháng 5 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 sẽ là 0,05% giá trị tài sản ròng một năm và thấp nhất là 11.500.000 đồng/tháng không có thuế VAT.

Phí dịch vụ giao dịch chứng khoán: 150.000 VND/giao dịch chưa bao gồm thuế VAT.

Mức phí dịch vụ trên chưa bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho Trung tâm lưu ký, chi phí pháp lý, chi phí tem thư...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.9 Chi phí (tiếp theo)

Phí dịch vụ quản trị Quỹ

Phí dịch vụ quản trị quỹ cho giai đoạn tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 8 tháng 5 năm 2018 sẽ là 0,04% giá trị tài sản ròng một năm và thấp nhất là 18.000.000 đồng/tháng chưa bao gồm thuế VAT. Phí dịch vụ quản trị quỹ cho giai đoạn tài chính từ ngày 9 tháng 5 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 sẽ là 0,04% giá trị tài sản ròng một năm và thấp nhất là 47.000.000 đồng/tháng chưa bao gồm thuế VAT.

Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng

STT	Loại phí dịch vụ	Mức phí dịch vụ (chưa bao gồm thuế VAT)
1	Phí dịch vụ cố định hàng tháng	10.000.000 đồng/tháng
2	Phí dịch vụ giao dịch (mua, bán, hoán đổi, chuyển quyền sở hữu, chuyển khoản) - Đối với 400 giao dịch đầu tiên - Đối với giao dịch từ số 401 trở đi	Miễn phí 0,01% giá trị giao dịch/1 giao dịch (Giá trị giao dịch = số lượng Chứng chỉ quỹ giao dịch x giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ mà Công ty Quản lý Quỹ công bố tại ngày giao dịch liền trước)
3	Phí dịch vụ thực hiện quyền - Lập danh sách thực hiện quyền - Phân phối cổ tức	1.000.000 đồng/lần lập danh sách Miễn phí

Chi phí kiểm toán

Phí kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với Công ty Kiểm toán và sẽ được xác định hàng năm vào cuối năm tài chính của Quỹ.

Phụ cấp Ban Đại diện Quỹ

Các chi phí của Ban Đại diện Quỹ bao gồm chi phí ăn ở, đi lại với mức hợp lý và phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ, các chi phí phát sinh từ hoạt động của Ban Đại diện Quỹ để phục vụ cho lợi ích của Quỹ sẽ được tính vào chi phí của Quỹ. Thù lao của các thành viên của Ban Đại diện Quỹ được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ và tổng mức thù lao không được vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Đại diện đã được thông qua tại Đại hội Nhà Đầu tư.

Chi phí khác

Các chi phí khác bao gồm chi phí in ấn, chi phí công bố thông tin; chi phí cho các cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư; thuế phí và các chi phí khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.10 Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

a. Giao dịch trả cổ tức cho Nhà Đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 (“Thông tư 78”) được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 (“Thông tư 111”) được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 (“Thông tư 92”) do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Tổng Cục Thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 20% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

b. Giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo Thông tư 111 được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 92 và Thông tư 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Mức thuế áp dụng là 0,1% giá trị chuyển nhượng. Công ty Quản lý Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước. Các nhà đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo Thông tư 78.

4.11 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

4.12 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 198 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong các báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. LÃI/(LỖ) BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Tổng giá trị bán trong 6 tháng đầu năm 2018 VND	Giá vốn bình quân gia quyển tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND
Cổ phiếu niêm yết	483.848.130.500	510.594.829.892	(26.746.699.392)
Trái phiếu niêm yết	88.784.468.799	88.847.928.281	(63.459.482)
	572.632.599.299	599.442.758.173	(26.810.158.874)

6. CHÊNH LỆCH GIẢM ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

	Giá trị mua theo sổ kế toán VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Chênh lệch điều chỉnh số cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND
Cổ phiếu niêm yết	73.034.850.944	68.185.428.700	(4.849.422.244)	13.587.679.164	(18.437.101.408)
Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết	166.262.412.909	166.554.310.315	291.897.406	-	291.897.406
	239.297.263.853	234.739.739.015	(4.557.524.838)	13.587.679.164	(18.145.204.002)

7. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND
Phí môi giới	1.687.892.886	155.603.888
Phí thanh toán bù trừ	4.152.335	969.795
	1.692.045.221	156.573.683

8. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND
Phí quản lý thường niên	4.958.904	4.958.909
Phí ngân hàng	4.356.377	1.055.596
Thù lao ban đại diện quỹ	180.000.000	-
	189.315.281	6.014.505

Quý Đầu tư Cổ phiếu Techcom

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẬN

Chi tiết các khoản đầu tư của Quý tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 như sau:

STT	Các khoản đầu tư	Giá mua VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại VND
				Tăng VND	(Giảm) VND	
1	Cổ phiếu niêm yết	73.034.850.944	68.185.428.700	-	(4.849.422.244)	68.185.428.700
2	Trái phiếu niêm yết	166.262.412.909	166.554.310.315	362.648.081	(70.750.675)	166.554.310.315
	Tổng	239.297.263.853	234.739.739.015	362.648.081	(4.920.172.919)	234.739.739.015

Chi tiết các khoản đầu tư của Quý tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

STT	Các khoản đầu tư	Giá mua VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại VND
				Tăng VND	Giảm VND	
1	Cổ phiếu niêm yết	81.930.195.836	95.517.875.000	13.789.569.937	(201.890.773)	95.517.875.000
	Tổng	81.930.195.836	95.517.875.000	13.789.569.937	(201.890.773)	95.517.875.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TỶ LỆ GIAO DỊCH QUA TỪNG CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

Chi tiết giá trị giao dịch và phí dịch vụ giao dịch theo từng công ty môi giới chính trong kỳ như sau:

STT	Các công ty chứng khoán có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch của Quỹ trong kỳ	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán		Phí dịch vụ giao dịch bình quân trên thị trường
			Giá trị giao dịch qua công ty chứng khoán trong kỳ của Quỹ VND	Tổng giá trị giao dịch trong kỳ báo cáo của Quỹ VND	
1	Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bảo Việt (BVSC)	Không liên quan	270.891.382.186	1.337.749.677.569	0,13%
2	Công ty Cổ phần Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC)	Không liên quan	271.596.149.000	1.337.749.677.569	0,15%
3	Công ty Cổ phần Chứng Khoán Dầu khí (PSI)	Không liên quan	150.313.985.000	1.337.749.677.569	0,15%
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ký Thương (TCBS)	Cùng chủ sở hữu là Ngân hàng mẹ	175.487.476.383	1.337.749.677.569	0,10%
5	Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bản Việt (VCSC)	Không liên quan	312.644.462.500	1.337.749.677.569	0,15%
6	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (SSI)	Không liên quan	156.816.222.500	1.337.749.677.569	0,15%
			1.337.749.677.569	1.337.749.677.569	100,00%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND</i>
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND cho hoạt động của Quỹ tại:	58.044.633.084	27.370.245.150
- Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)	51.823.285.736	13.873.061.475
Tiền gửi của nhà đầu tư về mua bán chứng chỉ quỹ	6.221.347.348	13.497.183.675
	58.044.633.084	27.370.245.150

12. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND</i>
Phải thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	3.775.845.329	100.985.000
Phải thu khác	-	193.812.300
	3.775.845.329	294.797.300

13. PHẢI TRẢ VỀ MUA CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Phải trả về mua các khoản đầu tư thể hiện số tiền phải trả cho việc mua các khoản đầu tư được thanh toán sau hai (02) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (T+2) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND</i>
Phải trả phí kiểm toán	27.273.973	27.500.000
Phải trả thù lao cho Ban Đại diện Quỹ	90.000.000	-
Phải trả khác	34.056.501	-
	151.330.474	27.500.000

15. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND</i>
Phải trả phí dịch vụ quản lý	451.006.659	-
Phải trả phí dịch vụ lưu ký	11.885.553	12.000.000
Phải trả phí dịch vụ giám sát	12.650.000	22.000.000
Phải trả phí dịch vụ quản trị quỹ	51.700.000	19.800.000
Phải trả phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	33.000.000	33.000.000
Phải trả phí giao dịch	13.350.000	15.750.000
	573.592.212	102.550.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VỐN GÓP CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Số dư đầu kỳ VND	Phát sinh trong kỳ VND	Số dư cuối kỳ VND
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	18.800.214,26	21.828.086,84	40.628.301,10
Giá trị ghi theo mệnh giá	188.002.142.600	218.280.868.400	406.283.011.000
Thặng dư vốn	30.638.853.704	131.567.187.360	162.206.041.064
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	218.640.996.304	349.848.055.760	568.489.052.064
Vốn góp mua lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	(12.468.485,73)	(7.810.571,86)	(20.279.057,59)
Giá trị ghi theo mệnh giá	(124.684.857.300,00)	(78.105.718.600)	(202.790.575.900,00)
Thặng dư vốn	(22.933.027.961)	(45.925.896.963)	(68.858.924.924)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	(147.617.885.261)	(124.031.615.563)	(271.649.500.824)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	6.331.728,53		20.349.243,51
Giá trị vốn góp hiện hành	71.023.111.043		296.839.551.240
Lợi nhuận chưa phân phối	26.683.247.782		(20.615.852.786)
NAV hiện hành	97.706.358.825		276.223.698.454
NAV hiện hành/1 chứng chỉ quỹ	15.431,22		13.574,15

Quỹ được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 18/GCN-UBCK, vốn điều lệ ban đầu của Quỹ là 60.670.000.000 VND, tương ứng với 6.067.000,00 chứng chỉ quỹ theo mệnh giá là 10.000 VND/một chứng chỉ quỹ.

17. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND
Lãi/(lỗ) đã thực hiện	(16.058.327.948)	5.101.812.217
Lãi/(lỗ) chưa thực hiện	(4.557.524.838)	4.861.989.197
	(20.615.852.786)	9.963.801.414

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

<i>STT</i>	<i>Ngày định giá</i>	<i>Giá trị tài sản ròng VND</i>	<i>Số lượng chứng chỉ quỹ</i>	<i>Giá trị tài sản ròng/ 1 chứng chỉ quỹ VND</i>	<i>Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/ 1 chứng chỉ quỹ VND</i>
1	2/1/2018	97.699.004.363	6.331.728,53	15.430,06	-
2	9/1/2018	114.333.179.235	7.158.229,54	15.972,27	542,21
3	16/1/2018	120.940.503.468	7.333.479,30	16.491,55	519,28
4	23/1/2018	184.037.982.983	10.985.294,65	16.753,12	261,57
5	30/1/2018	219.541.365.039	12.805.241,87	17.144,64	391,52
6	31/1/2018(*)	236.310.919.814	13.943.245,50	16.948,05	(196,59)
7	6/2/2018	221.290.301.409	13.943.245,50	15.870,78	(1.077,27)
8	13/2/2018	192.369.858.755	12.551.562,68	15.326,36	(544,42)
9	20/2/2018	219.231.157.205	14.132.750,67	15.512,27	185,91
10	27/2/2018	226.848.983.917	14.132.750,67	16.051,29	539,02
11	28/2/2018(*)	252.591.666.067	15.563.799,51	16.229,43	178,14
12	6/3/2018	248.777.342.068	15.563.799,51	15.984,35	(245,08)
13	13/3/2018	254.294.188.710	15.747.443,06	16.148,28	163,93
14	20/3/2018	271.467.932.237	16.306.573,44	16.647,76	499,48
15	27/3/2018	281.880.070.514	17.077.823,43	16.505,62	(142,14)
16	31/3/2018(*)	287.381.258.924	17.458.495,71	16.460,82	(44,80)
17	3/4/2018	292.403.407.217	17.458.495,71	16.748,48	287,66
18	10/4/2018	279.485.678.349	16.577.149,99	16.859,69	111,21
19	17/4/2018	279.631.066.122	17.184.599,47	16.272,18	(587,51)
20	24/4/2018	272.491.661.110	17.912.810,67	15.212,11	(1.060,07)
21	30/4/2018(*)	275.750.000.156	18.643.341,94	14.790,80	(421,31)
22	8/5/2018	274.506.723.548	18.643.341,94	14.724,11	(66,69)
23	10/5/2018	285.318.169.463	19.368.645,92	14.730,93	6,82
24	11/5/2018	283.581.740.875	19.369.264,70	14.640,81	(90,12)
25	14/5/2018	285.172.032.031	19.391.714,60	14.705,86	65,05
26	15/5/2018	287.639.307.261	19.456.625,53	14.783,61	77,75
27	16/5/2018	290.752.540.256	19.626.990,24	14.813,91	30,30
28	17/5/2018	288.572.691.312	19.655.873,25	14.681,24	(132,67)
29	18/5/2018	289.231.496.403	19.697.940,49	14.683,33	2,09
30	21/5/2018	289.408.802.699	19.726.287,94	14.671,22	(12,11)
31	22/5/2018	286.165.272.384	19.584.934,22	14.611,50	(59,72)
32	23/5/2018	287.234.292.423	19.865.182,40	14.459,18	(152,32)
33	24/5/2018	288.205.146.321	19.900.938,22	14.481,98	22,80

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>						
<i>STT</i>	<i>Ngày định giá</i>	<i>Giá trị tài sản ròng VND</i>	<i>Số lượng chứng chỉ quỹ</i>	<i>Giá trị tài sản ròng/ 1 chứng chỉ quỹ VND</i>	<i>Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/ 1 chứng chỉ quỹ VND</i>	
34	25/5/2018	287.849.033.640	19.909.796,10	14.457,65	(24,33)	
35	28/5/2018	286.081.017.512	19.908.006,87	14.370,14	(87,51)	
36	29/5/2018	283.294.599.253	19.908.424,39	14.229,88	(140,26)	
37	30/5/2018	284.917.662.483	19.896.270,33	14.320,15	90,27	
38	31/5/2018	284.691.151.424	19.913.717,04	14.296,23	(23,92)	
39	31/5/2018(*)	286.453.082.305	19.917.410,26	14.382,04	85,81	
40	4/6/2018	287.087.255.937	19.905.887,63	14.422,22	40,18	
41	5/6/2018	289.098.372.676	19.906.164,96	14.523,05	100,83	
42	6/6/2018	289.827.682.442	19.941.281,52	14.534,05	11,00	
43	7/6/2018	293.421.813.736	20.044.345,33	14.638,63	104,58	
44	8/6/2018	293.482.386.598	20.085.593,83	14.611,58	(27,05)	
45	11/6/2018	293.135.392.965	20.097.789,93	14.585,45	(26,13)	
46	12/6/2018	295.240.257.918	20.258.800,67	14.573,43	(12,02)	
47	13/6/2018	295.312.419.982	20.495.206,96	14.408,85	(164,58)	
48	14/6/2018	300.697.232.099	20.785.487,50	14.466,69	57,84	
49	15/6/2018	299.106.089.909	20.785.833,12	14.389,90	(76,79)	
50	18/6/2018	300.014.036.201	20.797.913,19	14.425,19	35,29	
51	19/6/2018	290.384.384.073	20.801.264,06	13.959,93	(465,26)	
52	20/6/2018	282.432.385.709	20.839.456,88	13.552,77	(407,16)	
53	21/6/2018	283.199.869.488	20.749.331,60	13.648,62	95,85	
54	22/6/2018	281.607.429.156	20.747.321,18	13.573,19	(75,43)	
55	25/6/2018	284.061.496.319	20.742.133,92	13.694,90	121,71	
56	26/6/2018	284.914.286.222	20.754.764,05	13.727,65	32,75	
57	27/6/2018	284.618.413.621	20.777.944,77	13.698,10	(29,55)	
58	28/6/2018	278.066.887.334	20.350.562,72	13.663,84	(34,26)	
59	29/6/2018	276.337.621.961	20.351.053,39	13.578,54	(85,30)	
60	30/6/2018(*)	276.223.698.454	20.349.243,51	13.574,15	(4,39)	
Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ:					267.268.361.701	
Biến động Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ trong kỳ						
▶ Mức cao nhất trong kỳ (VND)					1077,27	
▶ Mức thấp nhất trong kỳ (VND)					2,09	

(*): Định giá giá trị tài sản ròng tại ngày cuối tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 chứng chỉ quỹ	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 chứng chỉ quỹ
Loại hơn 1 năm	20.349.243,51	6.331.728,53
	20.349.243,51	6.331.728,53

20. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC

20.1 Các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương	Công ty Quản lý Quỹ	Phí dịch vụ quản lý	2.356.663.622	387.814.562
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương	Cùng chủ sở hữu là Ngân hàng mẹ	Phí dịch vụ môi giới	175.487.476	5.391.768

Phí quản lý là 1,9% giá trị tài sản ròng một năm và có thể thay đổi khi được Đại hội Nhà Đầu tư phê duyệt.

Số dư trọng yếu với bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương	Công ty Quản lý Quỹ	Phải trả phí dịch vụ quản lý	451.006.659	-

Các giao dịch trọng yếu trong kỳ được trình bày dưới đây:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND
Ngân hàng TNHH Một Thành viên Standard Chartered (Việt Nam)	Ngân hàng Giám sát	Phí dịch vụ giám sát	116.014.524	132.000.000
		Phí dịch vụ lưu ký	145.718.540	102.426.117
		Phí dịch vụ quản trị Quỹ	173.338.711	118.800.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC (tiếp theo)

20.2 Các hợp đồng then chốt khác

Số dư trọng yếu tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 được trình bày dưới đây:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Ngày 30 tháng 6	Ngày 31 tháng
			năm 2018	12 năm 2017
			VND	VND
Ngân hàng TNHH Một Thành viên Standard Chartered (Việt Nam)	Ngân hàng Giám sát	Tiền gửi ngân hàng	58.044.633.084	27.370.245.150
		Phí dịch vụ lưu ký phải trả	11.885.553	12.000.000
		Phí dịch vụ giám sát phải trả	12.650.000	22.000.000
		Phí dịch vụ quản trị quỹ phải trả	51.700.000	19.800.000
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ thương	Công ty Quản lý Quỹ	Chi phí trả trước	-	193.812.300

21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, các cổ phiếu chưa niêm yết, các khoản phải thu, tiền mặt và tiền gửi ngân hàng ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quỹ. Nợ phải trả tài chính của Quỹ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả Công ty Quản lý Quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho Nhà Đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ. Quỹ không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và tổng nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

2018/06/30
 2017/12/31

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản chứng khoán đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quý chủ yếu liên quan đến tiền và tiền gửi ngân hàng của Quý. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quý nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quý và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quý không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do các khoản tiền gửi và chứng khoán nợ của Quý có lãi suất cố định tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Rủi ro tiền tệ

Quý không có rủi ro tiền tệ do trong kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 do Quý không thực hiện các giao dịch bằng ngoại tệ.

Rủi ro về giá các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bao gồm cổ phiếu và trái phiếu đã niêm yết do Quý nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu và trái phiếu đầu tư. Quý quản lý giá rủi ro về giá của các khoản đầu tư bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Đại diện của Quý xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quý có rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính của mình, bao gồm trái phiếu, tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Công ty Quản lý Quỹ đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quý ở mức thấp vì các khoản tiền gửi, các khoản phải thu là lãi tiền gửi chưa đến hạn tại các Ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam đã được Ban Đại diện Quý phê duyệt.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quý gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quý chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên đánh giá các yêu cầu về thanh khoản, phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng ở mức mà Ban Đại diện cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quý và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Quỹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Quỹ có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để thực hiện các nghĩa vụ hiện tại.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Quỹ dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

	<i>Không kỳ hạn VND</i>	<i>Dưới 3 tháng VND</i>	<i>Từ 3 đến 12 tháng VND</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm VND</i>	<i>Trên 5 năm VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018						
Phải trả về mua các khoản đầu tư	-	13.259.075.830	-	-	-	13.259.075.830
Phải trả cho các đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	-	94.257.924	-	-	-	94.257.924
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	-	9.732.438	-	-	-	9.732.438
Chi phí phải trả	-	-	151.330.474	-	-	151.330.474
Phải trả cho Nhà Đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	-	308.000.000	-	-	-	308.000.000
Phải trả cho Nhà Đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	-	5.937.398.152	-	-	-	5.937.398.152
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	-	573.592.212	-	-	-	573.592.212
Phải trả, phải nộp khác	-	3.131.944	-	-	-	3.131.944
	-	20.185.188.500	151.330.474	-	-	20.336.518.974
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017						
Phải trả về mua các khoản đầu tư	-	11.684.341.263	-	-	-	11.684.341.263
Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ	-	149.808.745	-	-	-	149.808.745
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	15.174.942	-	-	-	15.174.942
Chi phí phải trả	-	-	27.500.000	-	-	27.500.000
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	-	13.497.183.675	-	-	-	13.497.183.675
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	-	102.550.000	-	-	-	102.550.000
	-	25.449.058.625	27.500.000	-	-	25.476.558.625

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT

STT	Chỉ tiêu	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
I	Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động		
1	Tỷ lệ phí quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	1,76%	1,88%
2	Tỷ lệ phí lưu ký, giám sát trả cho NHGS và VSD/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	0,20%	1,14%
3	Tỷ lệ phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	0,18%	0,93%
4	Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán(nếu phát sinh)/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	0,02%	0,13%
5	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	0,13%	0,00%
6	Tỷ lệ chi phí hoạt động/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	2,36%	4,08%
7	Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/ Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ/2	497,42%	251,92%
II	Các chỉ tiêu khác		
1	Quy mô quỹ đầu kỳ <i>Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ</i> <i>Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ</i>	63.317.285.300 6.331.728,53	48.584.137.600 4.858.413,76
2	Thay đổi quy mô quỹ trong kỳ <i>Số lượng chứng chỉ quỹ phát hành thêm trong kỳ</i> <i>Giá trị vốn thực huy động thêm trong kỳ (theo mệnh giá)</i> <i>Số lượng chứng chỉ quỹ mua lại trong kỳ</i> <i>Giá trị vốn thực phải thanh toán trong kỳ khi đáp ứng lệnh của Nhà Đầu tư (theo mệnh giá)</i>	21.828.086,84 218.280.868.400 (7.810.571,86) (78.105.718.600)	286.992,24 2.869.922.400 (2.303.378,24) (23.033.782.400)
3	Quy mô quỹ cuối kỳ <i>Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ</i> <i>Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ</i>	203.492.435.100 20.349.243,51	28.420.277.600 2.842.027,76
4	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của công ty quản lý quỹ và người có liên quan cuối kỳ	0,00%	0,04%
5	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 Nhà Đầu tư lớn nhất cuối kỳ	31,68%	95,03%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT (tiếp theo)

STT	Chỉ tiêu	Kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
I	Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động		
6	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của Nhà Đầu tư nước ngoài cuối kỳ	0,07%	0,51%
7	Số Nhà Đầu tư tham gia vào quỹ cuối kỳ, kể cả giao dịch ký danh	707	103
8	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ cuối kỳ	13.574,15	12.272,67

23. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Quỹ và kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 yêu cầu phải trình bày trong báo cáo tài chính.

Người lập:



Bà Nguyễn Cẩm Linh
 Chuyên viên Quản lý Quỹ

Người phê duyệt:



Bà Phan Thị Thu Hằng
 Kế toán Trưởng



Người phê duyệt:



Ông Đặng Lưu Dũng
 Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2018